TÒA ÁN ND HUYỆN NGA SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2018/HNGĐ-ST
Ngày:18/9/2018
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN,TỈNH THANH HÓA

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Trung Thu.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hà.
2. Bà Dương Thị Thoa.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa không tham gia phiên tòa.

Ngày 18/9/2018. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2018/TLST – HNGĐ ngày 12/6/2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Lê Đình B – sinh năm 1969

Địa chỉ: SN 73, đường 12, khu phố 1, phường L, quận T, T.P Hồ Chí Minh,(có đơn xin xử vắng mặt).

* Bị đơn: Chị Vũ Thị H – sinh năm 1982.

Địa chỉ: xóm 10, xã N, huyện N, Thanh Hóa,(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 12/6/2018 và bản tự khai ngày 22/6/2018 anh Lê Đình B trình bày.

Sau một thời gian tìm hiểu anh và chị Vũ Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/7/2014 tại Ủy ban nhân dân phường L, quận T, T.P Hồ Chí Minh. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là tính tình không hợp nhau, không quan tâm vun đắp hạnh phúc

gia đình, cô H tự ái bỏ về quê, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2015 đến nay không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nên anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị H.

Về con chung: Anh B và chị H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản: Anh B và chị H không có tài sản gì, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho chị H; Chị H có nhận các văn bản tố tụng Tòa án giao cho, nhưng đều cố tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đối với anh B và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa ngày 29/8/2018 anh B và chị H đều vắng mặt, nên phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay chị H vẫn vắng mặt, anh B có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt cả hai đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chủ tọa phiên tòa công bố những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho chị Vũ Thị H, chị H trực tiếp nhận. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị H vẫn vắng mặt, nên không thống nhất được hướng giải quyết của vụ án. Ngày 29/8/2018 Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa đã đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất. Chị H và anh B vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa. Như vậy việc chị H không đến Tòa án để giải quyết vụ án là trường hợp cố tình trốn tránh. Anh B có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo qui định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự(BLTTDS), Hội đồng xét xử(HĐXX) tiến hành xử lần 2, vắng mặt cả anh B và chị H.

[2]Về hôn nhân: Anh Lê Đình B và chị Vũ Thị H kết hôn ngày 07/7/2014. Trước khi kết hôn giữa hai người có thời gian tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý, không ai cản trở, cưới có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Nhưng vợ chồng sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình ngày càng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, đã sống ly thân từ cuối năm 2015 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Vì vậy, nghĩ cần xử cho anh B được ly hôn chị Vũ Thị H là phù hợp qui định của pháp luật và thực tế.

[3]Về con chung: Anh B và chị H không có con chung, nên miễn xét.

[4]Về tài sản: Anh B không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên miễn xét.

[5]Về án phí: Anh Lê Đình B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm,nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lê Đình B. Cho anh Lê Đình B được ly hôn chị Vũ Thị H.

*Về án phí: Anh Lê Đình B phải chịu: 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí: 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) anh B đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002790 ngày 12/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Anh Bút đã nộp đủ án phí DSST.

*Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nga Sơn
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
-TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND phường L,
quận T, TP Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Trung Thu